

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SƠN DƯƠNG
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **268/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 17/8/2020

Về việc không công nhận vợ chồng giữa
chị Dương Thị H và anh Hoàng Mạnh C

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Minh Khánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ma Quốc Thề.

2. Ông Nguyễn Văn Quang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ H Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 17/8/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 196/2020/TLST-HNGĐ, ngày 18/6/2020 về Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2020/QĐXXST - HNGĐ, ngày 29/7/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Dương Thị H; sinh năm: 1977; địa chỉ: Thôn M, xã K, huyện S, tỉnh T (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Anh Hoàng Mạnh C; sinh năm: 1970; địa chỉ: Đội 2, thôn N, xã H, huyện S, tỉnh T (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các bản tự khai, biên bản hòa giải có trong hồ sơ vụ án chị Dương Thị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hoàng Mạnh C cưới nhau và chung sống với nhau từ năm 1993. Trước khi kết hôn anh, chị đã được tự do tìm hiểu, tự nguyện, được hai bên gia đình đồng ý. Tuy nhiên do không để ý đến thủ tục giấy tờ nên chưa đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng chị sinh sống tại đội 2, thôn Ninh Hòa, xã Hợp Hòa, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Thời gian đầu vợ chồng chị chung sống hạnh phúc, đến đầu năm 2015 anh, chị bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi chửi nhau.

Chị H xác định vợ chồng chị không còn tình cảm, mâu thuẫn không thể hòa giải được, do anh chị không đăng ký kết hôn nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Chị và anh Hoàng Mạnh C có 02 (hai) con chung là Cháu Dương Văn D1, sinh ngày 07/12/1994 và cháu Dương Thị D, sinh ngày 24/02/1999. Các cháu hiện nay đã trưởng thành nên chị không yêu cầu giải quyết

- Về tài sản, đất đai, vay nợ chung: Anh, chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị H tự nguyện nhận chịu toàn bộ số tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án bị đơn anh Hoàng Mạnh C trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị H kết hôn vào 1993. Trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu, tự nguyện, được hai bên gia đình đồng ý. Tuy nhiên do bố vợ anh bảo để ông làm hộ đăng ký kết hôn nên anh không để ý đến thủ tục giấy tờ, ông cũng chưa làm hộ nên giờ anh chị vẫn chưa có giấy đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng anh sinh sống tại đội 2, thôn Ninh Hòa, xã Hợp Hòa, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến đầu năm 2015 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nhân mâu thuẫn là do chị H có quan hệ ngoài luồng với người đàn ông khác. Đến nay chị H làm đơn xin ly hôn anh mong chị H suy nghĩ lại, anh sẵn sàng tha thứ cho chị H để vợ chồng đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con. Còn nếu chị H nhất quyết muốn ly hôn thì anh cũng nhất trí.

- Về con chung: Vợ chồng anh chị có 02 (hai) con chung là Cháu Dương Văn D1, sinh ngày 07/12/1994 và cháu Dương Thị D, sinh ngày 24/02/1999. Các cháu hiện nay đã trưởng thành nên anh không yêu cầu giải quyết

- Về tài sản, đất đai, vay nợ chung: Anh xác định không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Anh C nhất trí với ý kiến của chị H.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 28, 147, 228, 235, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Không công nhận chị Dương Thị H và anh Hoàng Mạnh C là vợ chồng; Về án phí ly hôn sơ thẩm chị H phải chịu theo quy định của pháp luật. Về con chung, tài sản, đất đai, công nợ chung không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét; các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị H và anh Hoàng Mạnh C đã chung sống với nhau từ năm 1993 trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện chung sống, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống đã phát sinh mâu thuẫn. Qua xác minh tại địa phương thì từ năm 1993 đến nay, không có trường hợp nào có tên chồng là Hoàng Mạnh C, vợ là Dương Thị H đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện S và UBND xã K, huyện S.

Tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình quy định: “*Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng*”. Chị Dương Thị H và anh Hoàng Mạnh C

chung sống với nhau từ năm 1993 đến nay không có đăng ký kết hôn mặc dù có đủ điều kiện kết hôn, xong các bên không thực hiện nghĩa vụ kết hôn mà vẫn chung sống cùng nhau là hôn nhân bất hợp pháp, không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Do vậy, HĐXX cần xử không công nhận chị Dương Thị H và anh Hoàng Mạnh C là vợ chồng.

[2] Về con chung: Chị Dương Thị H và anh Hoàng Mạnh C cùng xác định anh, chị có 02 (hai) con chung là Cháu Dương Văn D1, sinh ngày 07/12/1994 và cháu Dương Thị D, sinh ngày 24/02/1999. Các cháu hiện nay đã trưởng thành nên anh, chị không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[3] Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Các đương sự không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[4] Về án phí: Chị H phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

[5]: Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 28, 147, 228, 235, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Dương Thị H và anh Hoàng Mạnh C là vợ chồng.
2. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Dương Thị H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0003422 ngày 18/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Dương. Chị H đã nộp đủ tiền án phí.

Anh Hoàng Mạnh C không phải nộp án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Anh C được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết/.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Sơn Dương;
- T.H.A dân sự huyện Sơn Dương;
- UBND xã K (SD-TQ);
- UBND xã H (SD-TQ);
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Thị Minh Khánh

